TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2017/HSST
Ngày 28-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ - Cán bộ hưu trí phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai và ông Nguyễn Bá Lý - Trưởng phòng tổ chức Hành chính Trung tâm y tế thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Diệp Bảo Kiệt - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 103/2017/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn V** (tên gọi khác: V đầu bò); sinh năm 1977 tại Gia Lai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 8, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: 1/12; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Kim N và chưa có con; bị cáo có 1 tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/STHS ngày 24-4-1999, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt Nguyễn Văn V 7 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản công dân*" và 3 năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*"; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 16-5-2017; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

2. **Võ Trọng H**; sinh năm 1977 tại Gia Lai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: 257/7 đường N, tổ 10, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 8/12; con ông Võ Trọng H (đã chết) và bà Trần Thị H; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ngân H và 2 con; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 03-4-2014, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Định bắt tạm giam về tội "*Trộm cắp tài sản*"; ngày 28-01-2015 bị xử phạt 9 năm tù theo Bản án số 02/2015/HSST của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 247/2015/HSPT-QĐ ngày 24-9-2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Hiện bị cáo Võ Trọng H đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Kim Sơn thuộc Tổng cục VIII Bộ Công an theo Quyết định Thi hành án hình phạt tù số 05/2015/QĐ-CA ngày 26-10-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình

Định.

Có mặt.

3. **Nguyễn Văn A** (tên gọi khác: B); sinh năm 1980 tại Gia Lai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: 39/7 đường N, tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 1/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B; bị cáo có vợ và 2 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22-02-2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

Người bị hại: Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1975; địa chỉ: 31/112 đường T, tổ 17, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 8, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 14-3-2013, Nguyễn Văn V cùng Võ Trọng H và Nguyễn Văn A ngồi uống cà phê tại một quán trên vỉa hè đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (trước Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Gia Lai). Sau khi uống cà phê xong, V rủ H và A đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì H và A đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô loại Dream (không xác định được biển số) chở V cầm theo 1 đoạn sắt phi 20 dài khoảng 40cm, còn A điều khiển xe mô tô loại xe Wave (không xác định được biển số). Khi đến trước nhà chị Trần Thị Phương T, thấy cổng nhà chị T khóa bên ngoài và không có người trông coi, nên V nói: *"Vào nhà này"* thì cả ba đồng ý. Lúc này, H dừng xe lại, V nói với A đứng ở bên ngoài cảnh giới, còn V và H đi vòng ra phía sau nhà, V dùng đoạn sắt phi 20 cạy bung cửa sau, rồi cả hai đi vào trong nhà. Khi vào trong nhà, thấy cửa phòng ngủ khóa nên V đi ra ngoài lấy một xà beng dài 90cm đường kính 2cm (có sẵn trong nhà chị T) mang vào cạy cửa phòng ngủ bung ra. V và H đi vào trong phòng thấy có 1 tủ gỗ nên V dùng xà beng cạy bung cửa tủ và đã lục tìm lấy được 10.000 USD, 50.000.000 đồng. V đưa cho H cầm, rồi V tiếp tục lục tìm lấy được một túi vải màu đỏ bên trong có đựng vàng. Sau khi lấy được số tài sản trên, V vứt xà beng cùng các ổ khóa lại hiện trường. Lúc này, H đưa lại cho V 10.000 USD bỏ vào trong túi quần, còn H cất giữ 50.000.000 đồng, rồi V và H đi ra ngoài gặp A. Sau đó, H điều khiển xe chở V và A đi đến đồi thông gần khu vực Nghĩa trang phường C, thành phố P thì dừng lại. Tại đây, V chia cho H 17.000.000 đồng và 3.300 USD, chia cho A 17.000.000 đồng và 3.300 USD, còn V được 16.000.000 đồng và 3.400 USD. Tiếp đó, V lấy túi vải màu đỏ ra đổ số vàng xuống đất kiểm tra thấy có: 2 sợi dây chuyền màu vàng, 2 nhẫn màu trắng, 1 sợi dây chuyền màu trắng, 1 đôi bông tai màu trắng và nói đây là toàn bộ vàng tây, rồi đưa cho H và nói H cầm lấy khi nào bán được thì chia nhau. Sau đó, H mang số vàng này vào thành phố Hồ Chí Minh bán tại một tiệm vàng (không rõ địa chỉ cụ thể) được 8.000.000 đồng. Số tiền này, H chia cho V 2.000.000 đồng, A 2.000.000 đồng,

còn lại 4.000.000 đồng H tiêu xài cá nhân hết. Đến 14 giờ ngày 22-02-2017, Nguyễn Văn A đến Công an phường H, thành phố P đầu thú và đến ngày 16-5-2017, Nguyễn Văn V bị bắt. Đối với H, sau thực hiện hành phạm tội tại thành phố Pleiku, H đến địa bàn tỉnh Bình Định tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đến ngày 03-4-2014, H đã bị Công an tỉnh Bình Định bắt giam.

Sau khi phát hiện bị kẻ gian cạy cửa vào nhà chiếm đoạt tài sản, chị Trần Thị Phương T đã trình báo Công an thành phố P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ tại hiện trường tang vật, gồm: 1 xà beng dài 90cm, đường kính 2cm; 1 bộ ổ khóa tay vặn đã bị hư hỏng và 1 ổ khóa màu trắng hiệu LOCX USA đã bị hư hỏng. Qua điều tra xác định: Chiếc xà beng là của gia đình chị T, do bị cáo V lấy sử dụng cạy phá cửa; 2 ổ khóa bị hư hỏng là của 2 cửa nhà của gia đình chị T đã bị V cạy phá. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P chuyển các tang vật này theo vụ án để xử lý.

Ngoài ra, chị Trần Thị Phương T khai báo còn bị mất các tài sản gồm: 1 dây lắc đeo tay vàng trắng Ý có trọng lượng 11g; 1 sợi dây chuyền dạng mắt xích cùng mặt dây chuyền bằng bạc, có tổng trọng lượng 3,5g; 1 đôi bông tai bằng bạc có trọng lượng 1,5g. Tuy nhiên, các bị cáo Nguyễn Văn V, Võ Trọng H và Nguyễn Văn A không thừa nhận đã lấy số tài sản này. Do hiện chỉ có lời khai của chị T và không có chứng cứ nào khác chứng minh nên không có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo: V, H và A trộm cắp số tài sản trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và giải quyết sau.

Qua định giá, kết luận: 1 USD có giá trị 20.100 đồng; 1 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền bằng vàng trắng Ý, có trọng lượng 3,5g có giá trị 2.814.000 đồng; 2 chiếc nhẫn đeo tay bằng vàng trắng Ý, có tổng trọng lượng 4g có giá trị 3.216.000 đồng; 1 đôi bông tai bằng vàng trắng Ý có trọng lượng 1,5g có giá trị l.206.000 đồng; 2 sợi dây chuyền vàng 18K, có tổng trọng lượng 0,5 chỉ có giá trị 1.450.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 108/CTr-VKS ngày 20-7-2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Võ Trọng H và Nguyễn Văn A về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 33; Điều 45; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 53 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V mức án từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 33; Điều 45; các điểm o, p khoản 1 Điều 46 và Điều 53 xử phạt bị cáo Võ Trọng H mức án từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 33; Điều 45; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 và Điều 53 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A mức án từ 7

năm đến 7 năm 6 tháng tù.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Văn V, Võ Trọng H và Nguyễn Văn A khai nhận về hành vi phạm tội của mình như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 14-3-2013, tại nhà chị Trần Thị Phương T ở 31/112 đường T, tổ 17, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Nguyễn Văn V, Võ Trọng H và Nguyễn Văn A đã lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị Phương T các tài sản gồm: 50.000.000 đồng, 10.000 USD có giá trị 201.000.000 đồng, 2 sợi dây chuyền vàng 18K có giá trị 1.450.000 đồng, 2 chiếc nhẫn đeo tay bằng vàng trắng (vàng Ý) có giá trị 3.216.000 đồng, 1 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền bằng vàng trắng (vàng Ý) có giá trị 2.814.000 đồng, 1 đôi bông tai bằng vàng trắng (vàng Ý) có giá trị 1.206.000 đồng. Tổng số tài sản mà các bị cáo Nguyễn Văn V, Võ Trọng H và Nguyễn Văn A đã chiếm đoạt có giá trị 259.686.000 đồng. Ngày 22-02-2017, Nguyễn Văn A ra đầu thú; ngày 16-5-2017, Nguyễn Văn V bị bắt. Còn Võ Trọng H, sau khi phạm tội tại thành phố P, H xuống tỉnh Bình Định tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và ngày 03-4-2014, H đã bị Công an tỉnh Bình Định bắt tạm giam.

Với việc thực hiện hành vi này, các bị cáo đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự. Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 259.686.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã áp dụng tình tiết định khung hình phạt "*chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng*" để quyết định truy tố các bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội; tài sản và quyền sở hữu hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đến tài sản của người khác đều phải bị nghiêm trị và các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất nguy hiểm và hậu quả các bị cáo đã gây ra.

Các bị cáo thực hiện tội phạm dưới hình thức đồng phạm giản đơn. Trong đó, Nguyễn Văn V là người rủ rê, khởi xướng và cùng Võ Trọng H trực tiếp thực hiện tội phạm, còn Nguyễn Văn A là người giúp sức.

Về nhân thân các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn V có nhân thân xấu, ngày 24-4-1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt Nguyễn Văn V 7 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản công dân*" và 3 năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*"; ngày 22-01-2007, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương; tuy nhiên bị cáo chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự; bị cáo V đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm

trọng, vì vậy bị cáo V phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*tái phạm nguy hiểm*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo H và A có nhân thân xấu.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo Nguyễn Văn V đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Võ Trọng H tự thú; bị cáo Nguyễn Văn A đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Về dân sự: Chị Trần Thị Phương T yêu cầu các bị cáo bồi thường 259.686.000 đồng, trong đó có: 50.000.000 đồng, giá trị của 10.000 USD là 201.000.000 đồng và giá trị của các trang sức bị chiếm đoạt là 8.686.000 đồng.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản của chị T, các bị cáo đã chia như sau: Bị cáo V nhận 3.400 USD (tương đương 68.340.000 đồng), 16.000.000 đồng và 2.000.000 đồng từ việc bán các trang sức (tương đương ¼ giá trị các trang sức bị chiếm đoạt là 2.171.500 đồng); bị cáo H nhận 3.300 USD (tương đương 66.330.000 đồng), 17.000.000 đồng và 4.000.000 đồng từ việc bán các trang sức (tương đương 2/4 giá trị các trang sức bị chiếm đoạt là 4.343.000 đồng); bị cáo A nhận 3.300 USD (tương đương 66.330.000 đồng), 17.000.000 đồng và 2.000.000 đồng từ việc bán các trang sức (tương đương ¼ giá trị các trang sức bị chiếm đoạt là 2.171.500 đồng).

Vì vậy, bị cáo V phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị T 86.511.500 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị T 30.000.000 đồng và đã nộp 5.000.000 đồng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, nay bị cáo V còn phải tiếp tục bồi thường cho chị T 51.511.500 đồng; bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường cho chị T 87.673.000 đồng và bị cáo A có nghĩa vụ bồi thường cho chị T 85.501.500 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 1 chiếc xà beng kim loại dài 90cm đường kính 2cm và 2 ổ khóa cửa đã bị hư hỏng là tài sản của chị T, do chị T không nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

Đối với đoạn sắt phi 20 mà các bị cáo V, H và A đã sử dụng làm công cụ phạm tội, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp xong, bị cáo V đã vứt đi, không rõ ở địa điểm nào nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không thu giữ được.

Đối với 2 chiếc mô tô mà các bị cáo đã sử dụng đi trộm cắp tài sản, xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream là xe của bị cáo V và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave là xe của bị cáo A. Sau khi đi thực hiện hành vi phạm tội xong, V đã bán cho một người đàn ông (không rõ họ tên, lai lịch ở khu vực chợ đêm thành phố P) và A đã bán xe cho một người phụ nữ (không rõ họ tên, lai lịch ở huyện I, tỉnh Gia Lai). Cả bị cáo V và bị cáo A đều không nhớ được biển số xe và không biết họ tên, lai lịch của người mua xe vì khi bán xe không có giấy tờ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không thu giữ được.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V, Võ Trọng H và Nguyễn Văn A phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 33; Điều 45; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 7 (*bảy*) năm 6 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16-5-2017.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 33; Điều 45; các điểm o, p khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Trọng H 7 (*bảy*) năm tù.

Tổng hợp với phần hình phạt tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2015/HSST ngày 28-01-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt Võ Trọng H 9 năm tù, thì bị cáo Võ Trọng H phải chấp hành một hình phạt chung là 16 (*mười sáu*) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03-4-2014.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; Điều 33; Điều 45; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 7 (*bảy*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22-02-2017.

2. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự và các Điều 604, 605, 606 và 608 Bộ luật dân sự;

Bị cáo Nguyễn Văn V có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Thị Phương T 86.511.500 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị T 30.000.000 đồng và được khấu trừ 5.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn V còn phải tiếp tục bồi thường cho chị T 51.511.500 đồng.

Bị cáo Võ Trọng H có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Thị Phương T 87.673.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn A có nghĩa vụ bồi thường cho chị Trần Thị Phương T 85.501.500 đồng.

Chị Trần Thị Phương T được nhận 5.000.000 đồng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28-9-2017 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và khoản 2

Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy 1 chiếc xà beng kim loại dài 90cm đường kính 2cm và 2 ổ khóa cửa đã bị hư hỏng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28-9-2017 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P)

4. Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn V, Võ Trọng H và Nguyễn Văn A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 4.326.000 đồng, bị cáo Võ Trọng H phải chịu 4.384.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu 4.275.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và chị Nguyễn Thị Kim N có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với chị Trần Thị Phương T vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- UBND phường I, thành phố P;
- UBND phường H1, thành phố P;
- UBND phường H2, thành phố P;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền